

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ Q
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2019/HSST
Ngày 17-01-2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ Q, TỈNH QUẢNG NGÃI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Huỳnh Thị Hồng Hoa

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Hoàng Minh Tân.

2. Bà Nguyễn Thị Thanh.

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Nguyễn Thanh Tuấn, là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Hàn My - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 15, 17 tháng 01 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 100/2018/TLST-HS ngày 05 tháng 12 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 74/2018/QĐXXST-HS ngày 17 tháng 12 năm 2018 và Thông báo về việc chuyển thời gian xét xử vụ án hình sự số 630/TB-TA ngày 27 tháng 12 năm 2018 đối với bị cáo:

Lê Thanh P, sinh ngày 22 tháng 10 năm 1980 tại Quảng Ngãi.

Nơi cư trú: Thôn 5, xã N, huyện T, tỉnh Quảng Ngãi; Nghề nghiệp: không; Trình độ học vấn: không đi học; Dân tộc: kinh; Giới tính: nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Lê Xuân H (chết) và bà Nguyễn Thị T; Vợ: Ngô Thị Thu H (đã ly hôn), có một con sinh năm 2011; Tiền án, tiền sự: không; Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 27/8/2018 cho đến nay; có mặt.

- *Bị hại:*

1. Ông Đỗ Thanh B, sinh năm 1954; có mặt.

Nơi cư trú: Thôn N, xã T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

2. Anh Lâm Văn C, sinh năm 1993; có mặt.

Nơi cư trú: Thôn M, xã T, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Vào tháng 7/2018, Lê Thanh P đến nhà ông Đỗ Thanh B để chữa bệnh và biết ông B làm nghề chữa bệnh bằng thuốc nam tại nhà nhưng

chưa có giấy phép hành nghề nên Lê Thanh P nảy sinh ý định chiếm đoạt tài sản bằng cách nói với ông B, P là “*Công an mật*” có quen biết nhiều người bên Sở y tế Quảng Ngãi, chỉ cần một châu nhậu để quan hệ giao tiếp có thể xin được giấy phép hành nghề nấu thuốc thì ông B tin tưởng vào lời nói của P và nhờ P xin giúp để có giấy phép hành nghề. Đến đầu tháng 8/2018, P điện thoại cho ông B thông báo đã đi nhậu với người bên Sở y tế để xin giấy phép hành nghề hết 3.500.000đ, ngày hôm sau ông B hẹn gặp P tại quán cà phê M ở đường N, phường N, thành phố Q ông B đưa cho P 5.000.000đ để trả tiền nhậu là 3.500.000đ còn 1.500.000đ ông B tự nguyện cho P. Khoảng 04 (bốn) ngày sau, P điện thoại cho ông B nói để có được giấy phép hành nghề thì cần phải bỏ phong bì cho 04 (bốn) người bên Sở y tế tỉnh Quảng Ngãi mỗi người 5.000.000đ. Sau đó, ông B gặp P tại khu vực trước Khách sạn M và đưa trước cho P số tiền 10.000.000đ. Khoảng 04 ngày sau ông B hẹn gặp P tại bờ kè đường M – M và đưa cho P số tiền 9.500.000đ. Đến ngày 26/8/2018, P điện thoại nói với ông B phải đưa thêm cho P số tiền từ 15.000.000đ đến 20.000.000đ để làm xong giấy phép hành nghề nấu thuốc nhưng ông B nói với P chỉ có 15.000.000đ thì P đồng ý.

Khoảng 15 giờ 30 phút ngày 27/8/2018, P hẹn ông B đến quán cà phê M trên đường N, phường N, thành phố Q để giao nhận tiền. Tại đây, ông B đã đưa số tiền 15.000.000đ cho P, khi P nhận được số tiền nói trên thì bị Công an thành phố Q bắt và lập biên bản bắt người phạm tội quả tang.

Tang vật thu giữ gồm:

- Tiền Ngân hàng nhà nước Việt Nam: 15.000.000đ là số tiền mà ông Đỗ Thanh B đưa cho Lê Thanh P;
- 01 (Một) giấy chứng minh nhân dân mang tên Lê Thanh P;
- 01 (Một) giấy chứng minh nhân dân photocopy mang tên Đỗ Thanh B;
- 01 (Một) sổ hộ khẩu photocopy, chủ hộ là Đỗ Thanh B;
- 01 (Một) hồ sơ xin việc mang tên Lâm Văn C;
- 01 (Một) xe mô tô hiệu Attila màu bạc, biển số 52U6-1810.

Tổng số tiền mà Lê Thanh P chiếm đoạt của ông Đỗ Thanh B là 38.000.000đ, trong đó 15.000.000đ bắt quả tang và 23.000.000đ P chiếm đoạt trước đó, bị cáo sử dụng vào mục đích tiêu xài cá nhân.

Cũng với thủ đoạn nêu trên, vào tháng 6/2018, Lê Thanh P có đến quán cháo vịt tại nhà của Lâm Văn C để mua cháo vịt. Tại đây, P gặp C và nói chuyện qua lại thì C nói với P là mới đi bộ đội về nên cần việc làm; biết C có nhu cầu tìm việc làm nên P tự giới thiệu mình đang làm ở Nhà máy bia D, quen biết nhiều người trong đó có Giám đốc và có thể xin việc cho C. Lâm Văn C nghe P nói vậy nên đã tin tưởng và nhờ P xin việc cho mình. Đến khoảng tháng 7/2018, Lê Thanh P có đến nhà Lâm Văn C lấy hồ sơ xin việc và nói với C xin việc không tốn tiền mà chỉ tốn một bữa nhậu. Tại quán nhậu tại Bờ kè sông Trà Khúc, Lê Thanh P có gọi điện thoại cho đối tượng tên S và đưa điện thoại cho C nói chuyện qua điện thoại với S với nội dung “anh không đến được, đang đi gặp đối tác, em trao đổi trực tiếp với

anh P”. C tin tưởng là P xin việc làm vào Nhà máy bia D nên đã đưa tiền cho Lê Thanh P 05 lần với tổng số tiền là 7.000.000đ. Lần thứ nhất P nhận 2.000.000đ, lần thứ hai P nhận 2.000.000đ, lần thứ ba P nhận 1.000.000đ, lần thứ tư P nhận 1.000.000đ và lần thứ năm P nhận 1.000.000đ. Tổng số tiền P nhận được của C, P sử dụng hết vào mục đích tiêu xài cá nhân. Như vậy tổng số tiền mà Lê Thanh P chiếm đoạt của Đỗ Thanh B và Lâm Văn C là 45.000.000đ, trong đó số tiền bị cáo chiếm đoạt khi bắt quả tang là 15.000.000đ.

Tại bản cáo trạng số 85/CT-VKS ngày 13/11/2018, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Q đã truy tố: Bị cáo Lê Thanh P về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” theo quy định tại khoản 1 Điều 174 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi vẫn giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 1 Điều 174, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 xử phạt bị cáo Lê Thanh P từ 24 đến 30 tháng tù.

- Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo Lê Thanh P phải trả lại cho ông Đỗ Thanh B số tiền 23.000.000đ và anh Lâm Văn C số tiền 7.000.000đ.

- Về xử lý vật chứng: 01 (Một) xe mô tô nhãn hiệu Attila, màu bạc, biển số 52U6-1810, số khung 042852-D, số máy 042852-M9BAD Lê Thanh P đã sử dụng làm phương tiện thực hiện hành vi phạm tội. Nguồn gốc chiếc xe trên theo bị cáo P khai, khoảng tháng 7/2017 bị cáo bán hàng rong tại Bến xe Miền Tây, thành phố Hồ Chí Minh thì có hai người đàn ông (không xác định được nhân thân, lai lịch) đến mua kính đeo mắt do P bán, thì một trong hai người đàn ông này thấy P nghèo khổ nên cho bị cáo xe mô tô nói trên. Cơ quan cảnh sát điều tra đã tra cứu tại Phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh Quảng Ngãi do bà Nguyễn Thị N, địa chỉ RR1C Cư xá B, phường, quận, thành phố Hồ Chí Minh đứng tên. Theo kết quả xác minh của Công an phường, quận, thành phố Hồ Chí Minh thì bà Nguyễn Thị N hiện không có mặt tại địa phương, đi đâu không rõ. Theo kết quả tra cứu của Văn phòng Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Quảng Ngãi thì xe mô tô nói trên không có trong cơ sở dữ liệu xe máy vật chứng. Do đó, căn cứ điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự tịch thu sung vào ngân sách nhà nước 01 (Một) xe mô tô nhãn hiệu Attila, màu bạc, biển số 52U6-1810, số khung 042852-D, số máy 042852-M9BAD đứng tên Nguyễn Thị N, địa chỉ RR1C Cư xá B, phường, quận, thành phố Hồ Chí Minh.

Bị hại là ông Đỗ Thanh B và anh Lâm Văn C đề nghị xét xử bị cáo Lê Thanh P theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Q,

Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Q, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã được thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Bị cáo Lê Thanh P đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Q đã truy tố. Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo trong giai đoạn điều tra, truy tố; phù hợp với lời khai của bị hại và các tài liệu, chứng cứ khác có tại hồ sơ vụ án nên có cơ sở để xác định: Để có tiền tiêu xài cá nhân, nên khoảng thời gian từ tháng 6/2018 đến tháng 8/2018 Lê Thanh P đã hai lần bằng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt tài sản của ông Đỗ Thanh B và anh Lâm Văn C tổng số tiền 45.000.000đ. Cụ thể, P giới thiệu là "Công an mật" và quen biết nhiều người ở Sở y tế tỉnh Quảng Ngãi có thể xin được giấy phép hành nghề chữa bệnh bằng thuốc nam cho ông Đỗ Thanh B, chiếm đoạt của ông B 38.000.000đ. Đồng thời, P giới thiệu là đang làm việc tại nhà máy bia D và quen với Giám đốc nên có thể xin việc làm cho anh Lâm Văn C, chiếm đoạt của anh C số tiền 7.000.000đ. Hành vi của bị cáo có đủ yếu tố cấu thành tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Hội đồng xét xử có đủ căn cứ kết luận Lê Thanh P phạm tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản theo khoản 1 Điều 174 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

[3] Tính chất, mức độ của hành vi: Bị cáo đã thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, xem thường pháp luật gây bất bình trong nhân dân làm ảnh hưởng đến an ninh trật tự trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi. Bị cáo nhận thức việc bằng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng vì bị cáo lười lao động và vì muốn có tiền tiêu xài nên cố ý thực hiện hành vi phạm tội, do đó cần phải được xử lý nghiêm để răn đe, giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung loại tội phạm này.

[4] Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo P đã chiếm đoạt của ông Đỗ Thanh B số tiền 38.000.000đ và của anh Lâm Văn C số tiền 7.000.000đ nên thuộc trường hợp phạm tội nhiều lần theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

[5] Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo Lê Thanh P thành khẩn khai báo nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ theo điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

[6] Về nhân thân: Bị cáo Lê Thanh P có nhân thân tốt; chưa có tiền án, tiền sự.

[7] Đối với đối tượng tên S theo Lê Thanh P khai là đối tượng sống lang thang, không rõ nhân thân lai lịch. Bị cáo P đã nhờ S trao đổi trực tiếp qua điện thoại để Lâm Văn C tin tưởng. Lâm Văn C cũng chưa gặp mặt đối tượng tên S và cũng không biết nhân thân lai lịch do đó không có căn cứ để xử lý.

[8] Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo Lê Thanh P phải trả lại cho ông Đỗ Thanh B số tiền 23.000.000đ và anh Lâm Văn C số tiền 7.000.000đ.

[9] Về xử lý vật chứng:

+ Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Q đã trả lại cho ông Đỗ Thanh B số tiền 15.000.000đ là phù hợp.

+ 01 (Một) Giấy chứng minh nhân dân mang tên Lê Thanh P cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Q đã trả lại cho bị cáo P do bà Nguyễn Thị Tiến (mẹ ruột) đại diện nhận là phù hợp.

+ 01 (Một) sổ hộ khẩu photocopy, mang tên chủ hộ là Đỗ Thanh B; 01 (Một) giấy chứng minh nhân dân photocopy mang tên Đỗ Thanh B và 01 (Một) hồ sơ xin việc mang tên Lâm Văn C được đánh số bút lục từ 01-20 kèm theo hồ sơ vụ án;

+ Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước 01 (Một) xe mô tô nhãn hiệu Attila, màu bạc, biển số 52U6-1810 số khung 042852-D, số máy 042852-M9BAD đứng tên Nguyễn Thị N, địa chỉ RR1C Cư xá B, phường , quận , thành phố Hồ Chí Minh mà Lê Thanh P đã sử dụng làm phương tiện thực hiện hành vi phạm tội theo Biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản ngày 15/01/2019 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Q với Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

[10] Đề nghị của Kiểm sát viên về phần hình phạt, về trách nhiệm dân sự và về xử lý vật chứng là phù hợp nên được chấp nhận.

[11] Về án phí: Bị cáo Lê Thanh P phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm và 1.500.000đ án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 1 Điều 174, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 38 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017;

Tuyên bố bị cáo Lê Thanh P phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”;

Xử phạt bị cáo Lê Thanh P 24 (hai mươi bốn) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 27 tháng 8 năm 2018.

2. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ khoản 1 Điều 48 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017;

Buộc bị cáo Lê Thanh P phải trả lại cho ông Đỗ Thanh B số tiền 23.000.000đ (Hai mươi ba triệu đồng) và anh Lâm Văn C số tiền 7.000.000đ (Bảy triệu đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, người phải thi hành án còn phải chịu tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất qui định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chậm thi hành cho đến khi thi hành xong.

3. Về xử lý vật chứng: Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự;

Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước 01 (Một) xe mô tô hiệu Attila, màu bạc biển số 52U6-1810, số khung 042852-D, số máy 042852-M9BAD theo Biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản ngày 15/01/2019 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi với Chi cục thi hành án dân sự thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

4. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự và Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Buộc bị cáo Lê Thanh P phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 1.500.000đ (Một triệu, năm trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

*** Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND TP Q;
- CQCSĐT CATP Q;
- CATP Q (Bộ phận lưu trữ, NV);
- CQTHAHS CATP Q;
- Sở Tư pháp tỉnh Quảng Ngãi;
- Chi cục THADS TP Q;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ, lưu án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Huỳnh Thị Hồng Hoa